HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17 /2020/NQ-HĐND	*Long An, ngày 08 tháng 12 năm 2020*

SỞ TƯ PHÁP
CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
TỈNH LONG AN

NGHỊ QUYẾT
Phân cấp nhiệm vụ chi từ nguồn thu bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Long An.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 24

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Xét Tờ trình số 227/TTr-UBND 25/11/2020 của UBND tỉnh về phân cấp nhiệm vụ chi từ nguồn thu bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra số 984/BC-HĐND ngày 04/12/2020 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất ban hành quy định phân cấp nhiệm vụ chi từ nguồn thu bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Long An, cụ thể như sau:

1. Đối với số thu trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố

Trên cơ sở tổng số thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đã nộp vào ngân sách tỉnh:

a) Sử dụng 50% trên tổng số thu bổ sung dự toán cho Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và bổ sung có mục tiêu về cho ngân sách cấp huyện để thực hiện hỗ trợ cho người trồng lúa áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và các chương trình mục tiêu khác cho người dân để bảo vệ đất trồng lúa theo quy định tại khoản 1, Điều 8 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP (gọi tắt là khoản 1, Điều 8).

b) Phần kinh phí còn lại (50%) chi theo quy định tại khoản 2, Điều 8 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-

CP ngày 11/7/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP (gọi tắt là khoản 2, Điều 8), được quy đổi thành 100% và phân bổ theo nguyên tắc:

- Bổ sung có mục tiêu 50% cho các huyện Đức Hòa, Bến Lức, Cần Giuộc, Cần Đước, thành phố Tân An, Tân trụ, Thủ Thừa, Châu Thành, Đức Huệ và thị xã Kiến Tường; 50% còn lại phân bổ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

- Bổ sung có mục tiêu 70% cho các huyện Tân Hưng, Vĩnh Hưng, Mộc Hóa, Thạnh Hóa, Tân Thạnh; 30% còn lại phân bổ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

2. Đối với số thu của tỉnh (các tổ chức nộp)

a) Sử dụng 50% trên tổng số thu bổ sung dự toán cho Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và bổ sung có mục tiêu về cho ngân sách cấp huyện để chi theo quy định tại khoản 1, Điều 8.

b) Phần kinh phí còn lại (50%) phân bổ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn để chi theo quy định khoản 2, Điều 8.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 7/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tỷ lệ (%) phân bổ đối với khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An Khoá IX, kỳ họp thứ 24 thông qua ngày 08/12/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021./.

Nơi nhận:
- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP. Quốc hội, VPCP (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính; Bộ NN-PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện,thị xã, thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh (Phòng CTHĐND 02b);
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, (X). (13)

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Được